

Số: 47/2024/QĐST-HNGĐ

Than Uyên, ngày 21 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 4; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 8 năm 2024;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Hà Thị D**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: **Bản K, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.**

2. Anh **Hà Văn Ổ**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: **Bản K, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hà Thị D** và anh **Hà Văn Ổ** tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn ngày 31/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2020, ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã M cấp cho chị **Hà Thị D** và anh **Hà Văn Ổ** xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh **Hà Văn Ổ** và chị **Hà Thị D** làm ăn và sinh sống tại xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Sống chung hạnh phúc được khoảng hơn mười năm thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp tính tình, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay anh, chị hiện không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành. Ngày

19/7/2024 chị **Hà Thị D** và anh **Hà Văn Ó** cùng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Than Uyên công nhận chị **D** và anh **Ó** thuận tình ly hôn. Kèm theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn các đương sự đã nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị **Hà Thị D** và anh **Hà Văn Ó** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và nội dung thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/8/2024 giữa chị **Hà Thị D** và anh **Hà Văn Ó** xác định chị **D** và anh **Ó** thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị **Hà Thị D** và anh **Hà Văn Ó** xác nhận có ba con chung chưa thành niên là **Hà Thị Kim N**, sinh ngày 01/8/2012, **Hà Thị Ngọc L**, sinh ngày 10/4/2014 và **Hà Thị Thu K**, sinh ngày 03/12/2021. Anh **Hà Văn Ó** và chị **Hà Thị D** thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn như sau:

Giao cho chị **Hà Thị D** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là **Hà Thị Kim N** cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Giao cho anh **Hà Văn Ó** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung chưa thành niên là **Hà Thị Ngọc L** và **Hà Thị Thu K** cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Hà Thị D** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu **Hà Thị Thu K**, sinh ngày 03/12/2021. Cụ thể:

Mức cấp dưỡng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng);

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng;

Thời điểm cấp dưỡng: Từ ngày 25/8/2024 cho đến khi cháu **Hà Thị Thu K** thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Chị **Hà Thị D** và anh **Lò Văn Ó** không yêu cầu nhau cấp dưỡng nuôi con chung đối với các cháu **Hà Thị Kim N**, **Hà Thị Ngọc L** và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị **Hà Thị D** và anh **Hà Văn Ó** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy các đương sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con chung chưa thành niên do vậy cần chấp nhận toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hà Thị D** và anh **Hà Văn Ở** thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của chị **Hà Thị D** và anh **Hà Văn Ở** về nuôi con khi ly hôn như sau:

Giao cho chị **Hà Thị D** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là **Hà Thị Kim N**, sinh ngày 01/8/2012 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Giao cho anh **Hà Văn Ở** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung chưa thành niên là **Hà Thị Ngọc L**, sinh ngày 10/4/2014 và **Hà Thị Thu K**, sinh ngày 03/12/2021 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Hà Thị D** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu **Hà Thị Thu K**, sinh ngày 03/12/2021. Cụ thể:

Mức cấp dưỡng là 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*);

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng;

Thời điểm cấp dưỡng: Từ ngày 25/8/2024 cho đến khi cháu **Hà Thị Thu K** thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị **Hà Thị D** và anh **Lò Văn Ở** không yêu cầu nhau cấp dưỡng nuôi con chung đối với các cháu **Hà Thị Kim N**, **Hà Thị Ngọc L** và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh **Hà Văn Ở**, chị **Hà Thị D** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung người trực tiếp nuôi con theo quyết định của Tòa án. Anh chị có quyền yêu cầu nhau cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh **Hà Văn Ở**, chị **Hà Thị D** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị **Hà Thị D** và anh **Hà Văn Ổ** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng trong đó Chị **Hà Thị D** và anh **Hà Văn Ổ** mỗi người phải chịu là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị **Hà Thị D** và anh **Hà Văn Ổ** đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai số: 0000843 ngày 22/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên;
- Chi cục THADS huyện Than Uyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Mường Mít, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

đã ký

Quàng Thị Phương